

Số: 684/.../QĐ-ĐHBK

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến cho tập thể và cá nhân
năm học 2016 - 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04.4.1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20.3.2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Đại học Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-ĐHĐN ngày 10.01.2012 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 114/QĐ-ĐHBK-HCTH, ngày 23.5.2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Phụ lục Quy chế chi tiêu nội bộ;

Căn cứ Công văn số 1795/ĐHĐN-PCTĐ ngày 26.5.2017 của Đại học Đà Nẵng về việc tổng kết, đánh giá thi đua, khen thưởng năm học 2016-2017;

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng của các đơn vị và Biên bản cuộc họp Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Trường Đại học Bách khoa ngày 04.7.2017;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận danh hiệu "Lao động tiên tiến" năm học 2016 - 2017 cho 22 tập thể và 496 cá nhân thuộc trường Đại học Bách khoa (*danh sách kèm theo*);

Điều 2. Mức tiền thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ, trích từ quỹ thi đua khen thưởng của Nhà trường:

- Tập thể: 1.040.000 đồng (*Một triệu bốn mươi ngàn đồng*),
- Cá nhân: 390.000 đồng (*Ba trăm chín mươi ngàn đồng*);

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các đơn vị và cá nhân có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./. *mm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban PC và Thi đua ĐHĐN (để b/cáo)
- Lưu: VT, TCHC.



GS. TS LÊ KIM HÙNG

**DANH SÁCH TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU LAO ĐỘNG TIỀN TIẾN
NĂM HỌC 2016-2017**

(Kèm theo Quyết định số 684... /QĐ-ĐHBK ngày 07 / 7 /2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa)

I- Tập thể Lao động tiên tiến:

1.	Khoa Công nghệ Thông tin
2.	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
3.	Khoa Cơ khí
4.	Khoa Cơ khí Giao thông
5.	Khoa Điện
6.	Khoa Điện tử - Viễn thông
7.	Khoa Hóa
8.	Khoa Kiến trúc
9.	Khoa Môi trường
10.	Khoa Quản lý Dự án
11.	Khoa Xây dựng Cầu đường
12.	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
13.	Khoa Xây dựng Thủy lợi – Thủy điện
14.	Phòng Công tác sinh viên
15.	Phòng Cơ sở Vật chất
16.	Phòng Đào tạo
17.	Phòng Kế hoạch – Tài chính
18.	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
19.	Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế
20.	Phòng Thanh tra – Pháp chế
21.	Phòng Tổ chức – Hành chính
22.	Trung tâm Học liệu và Truyền thông

II- Cá nhân Lao động tiên tiến:

TT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ
1.	Nguyễn Thanh Bình	Khoa Công nghệ Thông tin
2.	Nguyễn Tấn Khôi	Khoa Công nghệ Thông tin
3.	Huỳnh Hữu Hưng	Khoa Công nghệ Thông tin
4.	Lê Thị Mỹ Hạnh	Khoa Công nghệ Thông tin
5.	Phạm Minh Tuấn	Khoa Công nghệ Thông tin
6.	Trương Ngọc Châu	Khoa Công nghệ Thông tin
7.	Mai Văn Hà	Khoa Công nghệ Thông tin
8.	Võ Đức Hoàng	Khoa Công nghệ Thông tin
9.	Hoàng Thị Hương	Khoa Công nghệ Thông tin
10.	Nguyễn Thị Minh Hỷ	Khoa Công nghệ Thông tin
11.	Phan Huy Khánh	Khoa Công nghệ Thông tin
12.	Nguyễn Văn Nguyên	Khoa Công nghệ Thông tin
13.	Phan Thanh Tao	Khoa Công nghệ Thông tin
14.	Trần Hồ Thủy Tiên	Khoa Công nghệ Thông tin

15.	Nguyễn Văn Hiệu	Khoa Công nghệ Thông tin
16.	Ninh Khánh Duy	Khoa Công nghệ Thông tin
17.	Đặng Thiên Bình	Khoa Công nghệ Thông tin
18.	Đặng Duy Thắng	Khoa Công nghệ Thông tin
19.	Huỳnh Trung Mạnh	Khoa Công nghệ Thông tin
20.	Bùi Thị Thanh Thanh	Khoa Công nghệ Thông tin
21.	Hoàng Ngọc Đồng	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
22.	Mã Phước Hoàng	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
23.	Nguyễn Quốc Huy	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
24.	Bùi Thị Hương Lan	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
25.	Trần Thị Mỹ Linh	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
26.	Nguyễn Đức Minh	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
27.	Hồ Hoàng Quỳnh Như	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
28.	Thái Ngọc Sơn	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
29.	Trần Thanh Sơn	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
30.	Trần Văn Vang	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
31.	Nguyễn Thành Văn	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
32.	Phạm Duy Vũ	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
33.	Lưu Đức Bình	Khoa Cơ khí
34.	Võ Trần Anh	Khoa Cơ khí
35.	Tào Quang Bằng	Khoa Cơ khí
36.	Đỗ Thế Căn	Khoa Cơ khí
37.	Đinh Minh Diễm	Khoa Cơ khí
38.	Nguyễn Linh Giang	Khoa Cơ khí
39.	Trần Ngọc Hải	Khoa Cơ khí
40.	Phạm Nguyễn Quốc Huy	Khoa Cơ khí
41.	Trần Quang Khải	Khoa Cơ khí
42.	Nguyễn Lê Minh	Khoa Cơ khí
43.	Nguyễn Tấn Minh	Khoa Cơ khí
44.	Lê Hoài Nam	Khoa Cơ khí
45.	Nguyễn Hoài Nam	Khoa Cơ khí
46.	Ngô Thanh Nghị	Khoa Cơ khí
47.	Nguyễn Danh Ngọc	Khoa Cơ khí
48.	Nguyễn Phạm Thế Nhân	Khoa Cơ khí
49.	Trần Đình Sơn	Khoa Cơ khí
50.	Trần Phước Thanh	Khoa Cơ khí
51.	Võ Như Thành	Khoa Cơ khí
52.	Hoàng Văn Thạnh	Khoa Cơ khí
53.	Trần Minh Thông	Khoa Cơ khí
54.	Vũ Duy Thuận	Khoa Cơ khí
55.	Đặng Xuân Thủy	Khoa Cơ khí
56.	Trần Văn Tiến	Khoa Cơ khí
57.	Võ Đình Trung	Khoa Cơ khí
58.	Nguyễn Văn Tuấn	Khoa Cơ khí
59.	Trần Xuân Tuy	Khoa Cơ khí
60.	Đặng Phước Vinh	Khoa Cơ khí
61.	Dương Việt Dũng	Khoa Cơ khí Giao thông
62.	Lê Văn Tụy	Khoa Cơ khí Giao thông

63.	Phan Văn Bường	Khoa Cơ khí Giao thông
64.	Phùng Minh Nguyên	Khoa Cơ khí Giao thông
65.	Nguyễn Việt Hải	Khoa Cơ khí Giao thông
66.	Huỳnh Bá Vang	Khoa Cơ khí Giao thông
67.	Phạm Trường Thi	Khoa Cơ khí Giao thông
68.	Nguyễn Quang Trung	Khoa Cơ khí Giao thông
69.	Phan Thành Long	Khoa Cơ khí Giao thông
70.	Phạm Thị Kim Loan	Khoa Cơ khí Giao thông
71.	Lê Minh Tiến	Khoa Cơ khí Giao thông
72.	Nguyễn Võ Đạo	Khoa Cơ khí Giao thông
73.	Lâm Thị Hồng Nhật	Khoa Cơ khí Giao thông
74.	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Cơ khí Giao thông
75.	Nguyễn Xuân Sơn	Khoa Cơ khí Giao thông
76.	Trần Văn Luận	Khoa Cơ khí Giao thông
77.	Võ Như Tùng	Khoa Cơ khí Giao thông
78.	Võ Anh Vũ	Khoa Cơ khí Giao thông
79.	Phạm Quốc Thái	Khoa Cơ khí Giao thông
80.	Nguyễn Văn Triều	Khoa Cơ khí Giao thông
81.	Nguyễn Văn Minh	Khoa Cơ khí Giao thông
82.	Dương Đình Nghĩa	Khoa Cơ khí Giao thông
83.	Nguyễn Tiến Thừa	Khoa Cơ khí Giao thông
84.	Nguyễn Việt Thuận	Khoa Cơ khí Giao thông
85.	Bùi Tuấn Việt Long	Khoa Cơ khí Giao thông
86.	Nguyễn Thị Băng Tuyên	Khoa Cơ khí Giao thông
87.	Nguyễn Hữu Hiếu	Khoa Điện
88.	Trịnh Trung Hiếu	Khoa Điện
89.	Lưu Ngọc An	Khoa Điện
90.	Lê Đình Dương	Khoa Điện
91.	Phạm Văn Kiên	Khoa Điện
92.	Lê Thị Tịnh Minh	Khoa Điện
93.	Dương Minh Quân	Khoa Điện
94.	Trần Vinh Tịnh	Khoa Điện
95.	Lê Tiến Dũng	Khoa Điện
96.	Nguyễn Kim Ánh	Khoa Điện
97.	Trương Thị Bích Thanh	Khoa Điện
98.	Trần Thái Anh Âu	Khoa Điện
99.	Trần Thị Minh Dung	Khoa Điện
100.	Nguyễn Quốc Định	Khoa Điện
101.	Nguyễn Lê Hòa	Khoa Điện
102.	Lê Quốc Huy	Khoa Điện
103.	Giáp Quang Huy	Khoa Điện
104.	Nguyễn Hoàng Mai	Khoa Điện
105.	Ngô Đình Thanh	Khoa Điện
106.	Phan Văn Hiền	Khoa Điện
107.	Trần Văn Chính	Khoa Điện
108.	Nguyễn Bình Nam	Khoa Điện
109.	Nguyễn Thị Ái Nhi	Khoa Điện
110.	Nguyễn Văn Tấn	Khoa Điện

111.	Nguyễn Quang Chung	Khoa Điện
112.	Nguyễn Thế Lực	Khoa Điện
113.	Nguyễn Quang Tân	Khoa Điện
114.	Trần Anh Tuấn	Khoa Điện
115.	Khương Thị Út Thương	Khoa Điện
116.	Nguyễn Rê	Khoa Điện
117.	Đỗ Thị Thu Thảo	Khoa Điện
118.	Lê Thị Nhân	Chương trình PFIEV
119.	Võ Thị Hoàng Châu	Chương trình PFIEV
120.	Nguyễn Hữu Lập Trường	Chương trình PFIEV
121.	Phan Đình Chung	Khoa Điện
122.	Hồ Thị Kim Huyền	Khoa Điện
123.	Lê Tấn Duy	Khoa Điện
124.	Bùi Tấn Lợi	Khoa Điện
125.	Dư Quang Bình	Khoa Điện tử - Viễn thông
126.	Tăng Tấn Chiến	Khoa Điện tử - Viễn thông
127.	Nguyễn Văn Cường	Khoa Điện tử - Viễn thông
128.	Trần Thị Hương	Khoa Điện tử - Viễn thông
129.	Phan Trần Đăng Khoa	Khoa Điện tử - Viễn thông
130.	Trần Văn Líc	Khoa Điện tử - Viễn thông
131.	Mạc Như Minh	Khoa Điện tử - Viễn thông
132.	Lê Hồng Nam	Khoa Điện tử - Viễn thông
133.	Nguyễn Quang Như Quỳnh	Khoa Điện tử - Viễn thông
134.	Vũ Vân Thanh	Khoa Điện tử - Viễn thông
135.	Huỳnh Việt Thắng	Khoa Điện tử - Viễn thông
136.	Hoàng Lê Uyên Thực	Khoa Điện tử - Viễn thông
137.	Nguyễn Thị Anh Thư	Khoa Điện tử - Viễn thông
138.	Hồ Phước Tiến	Khoa Điện tử - Viễn thông
139.	Bùi Thị Minh Tú	Khoa Điện tử - Viễn thông
140.	Nguyễn Văn Tuấn	Khoa Điện tử - Viễn thông
141.	Hồ Việt Việt	Khoa Điện tử - Viễn thông
142.	Nguyễn Duy Nhật Viễn	Khoa Điện tử - Viễn thông
143.	Dư Nguyễn Hoàng Anh	Khoa Điện tử - Viễn thông
144.	Nguyễn Hải Triều Anh	Khoa Điện tử - Viễn thông
145.	Trần Thị Minh Hạnh	Khoa Điện tử - Viễn thông
146.	Nguyễn Văn Hiếu	Khoa Điện tử - Viễn thông
147.	Lê Thị Phương Mai	Khoa Điện tử - Viễn thông
148.	Võ Tuấn Minh	Khoa Điện tử - Viễn thông
149.	Tăng Anh Tuấn	Khoa Điện tử - Viễn thông
150.	Huỳnh Thanh Tùng	Khoa Điện tử - Viễn thông
151.	Nguyễn Thị Hồng Yến	Khoa Điện tử - Viễn thông
152.	Ngô Minh Trí	Khoa Điện tử - Viễn thông
153.	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Hoá
154.	Trần Thế Truyền	Khoa Hoá
155.	Nguyễn Thị Kim Loan	Khoa Hoá
156.	Nguyễn Dân	Khoa Hoá
157.	Đặng Minh Nhật	Khoa Hoá
158.	Huỳnh Đức	Khoa Hoá

159.	Trương Minh Hạnh	Khoa Hoá
160.	Đoàn Thị Thu Loan	Khoa Hoá
161.	Nguyễn Kim Sơn	Khoa Hoá
162.	Huỳnh Thị Thanh Thắng	Khoa Hoá
163.	Phạm Cẩm Nam	Khoa Hoá
164.	Lê Thị Như Ý	Khoa Hoá
165.	Dương Thị Hồng Phần	Khoa Hoá
166.	Lê Ngọc Trung	Khoa Hoá
167.	Phan Thị Thúy Hằng	Khoa Hoá
168.	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Khoa Hoá
169.	Đặng Kim Hoàng	Khoa Hoá
170.	Phạm Thị Kim Thảo	Khoa Hoá
171.	Võ Công Tuấn	Khoa Hoá
172.	Bùi Xuân Đông	Khoa Hoá
173.	Trương Hữu Trí	Khoa Hoá
174.	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Khoa Hoá
175.	Nguyễn Thị Trúc Loan	Khoa Hoá
176.	Nguyễn Đình Minh Tuấn	Khoa Hoá
177.	Đoàn Thị Hoài Nam	Khoa Hoá
178.	Lê Lý Thùy Trâm	Khoa Hoá
179.	Phan Thế Anh	Khoa Hoá
180.	Nguyễn Thị Lan Anh	Khoa Hoá
181.	Võ Thị Thu Hiền	Khoa Hoá
182.	Tạ Ngọc Ly	Khoa Hoá
183.	Hồ Việt Thắng	Khoa Hoá
184.	Nguyễn Thị Minh Xuân	Khoa Hoá
185.	Phạm Thị Hương	Khoa Hoá
186.	Nguyễn Trần Phương Thảo	Khoa Hoá
187.	Nguyễn Hoàng Trung Hiếu	Khoa Hoá
188.	Nguyễn Thị Lê Thoa	Khoa Hoá
189.	Ngô Thái Bích Vân	Khoa Hoá
190.	Phan Thanh Sơn	Khoa Hoá
191.	Nguyễn Minh Hoàng	Khoa Hoá
192.	Nguyễn Thị Đông Phương	Khoa Hoá
193.	Đào Thị Anh Thư	Khoa Hoá
194.	Nguyễn Thanh Bình	Khoa Hoá
195.	Dương Thế Hy	Khoa Hoá
196.	Phạm Ngọc Tùng	Khoa Hoá
197.	Nguyễn Hoàng Minh	Khoa Hoá
198.	Phạm Thị Đoan Trinh	Khoa Hoá
199.	Bùi Việt Cường	Khoa Hoá
200.	Phan Mạnh Duy	Khoa Hoá
201.	Nguyễn Xuân Hoàng	Khoa Hoá
202.	Nguyễn Hồng Ngọc	Khoa Kiến trúc
203.	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Kiến trúc
204.	Lê Minh Sơn	Khoa Kiến trúc
205.	Trần Đức Quang	Khoa Kiến trúc
206.	Trần Văn Tâm	Khoa Kiến trúc

207.	Lê Thị Kim Dung	Khoa Kiến trúc
208.	Trương Phan Thiên An	Khoa Kiến trúc
209.	Nguyễn Ngọc Bình	Khoa Kiến trúc
210.	Phan Ánh Nguyên	Khoa Kiến trúc
211.	Đoàn Trần Hiệp	Khoa Kiến trúc
212.	Vũ Phan Minh Trang	Khoa Kiến trúc
213.	Nguyễn Xuân Trung	Khoa Kiến trúc
214.	Lê Thị Ngọc Hiền	Khoa Kiến trúc
215.	Trần Văn Quang	Khoa Môi trường
216.	Nguyễn Đình Huân	Khoa Môi trường
217.	Nguyễn Lan Phương	Khoa Môi trường
218.	Lê Thị Thu Hường	Khoa Môi trường
219.	Hồ Văn Minh	Khoa Môi trường
220.	Phan Như Thúc	Khoa Môi trường
221.	Lê Năng Định	Khoa Môi trường
222.	Phan Thị Kim Thủy	Khoa Môi trường
223.	Mai Thị Thùy Dương	Khoa Môi trường
224.	Nguyễn Phước Quý An	Khoa Môi trường
225.	Võ Diệp Ngọc Khôi	Khoa Môi trường
226.	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Môi trường
227.	Huỳnh Anh Hoàng	Khoa Môi trường
228.	Lê Thị Xuân Thùy	Khoa Môi trường
229.	Dương Gia Đức	Khoa Môi trường
230.	Hoàng Ngọc Ân	Khoa Môi trường
231.	Phạm Đình Long	Khoa Môi trường
232.	Phạm Anh Đức	Khoa Quản lí Dự án
233.	Nguyễn Quang Trung	Khoa Quản lí Dự án
234.	Trương Quỳnh Châu	Khoa Quản lí Dự án
235.	Hồ Dương Đông	Khoa Quản lí Dự án
236.	Nguyễn Thị Thu Thủy	Khoa Quản lí Dự án
237.	Phạm Thị Trang	Khoa Quản lí Dự án
238.	Huỳnh Thị Minh Trúc	Khoa Quản lí Dự án
239.	Nguyễn Thị Hải Lý	Khoa Quản lí Dự án
240.	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Quản lí Dự án
241.	Hồ Thị Kiều Oanh	Khoa Quản lí Dự án
242.	Nguyễn Đăng Hoàng Thư	Khoa Quản lí Dự án
243.	Huỳnh Nhật Tổ	Khoa Quản lí Dự án
244.	Ngô Ngọc Tri	Khoa Quản lí Dự án
245.	Nguyễn Đình Sơn	Khoa Sư phạm Kỹ thuật
246.	Nguyễn Đức Sỹ	Khoa Sư phạm Kỹ thuật
247.	Nguyễn Văn Thiên Ân	Khoa Sư phạm Kỹ thuật
248.	Huỳnh Vinh	Khoa Sư phạm Kỹ thuật
249.	Nguyễn Văn Quyền	Khoa Sư phạm Kỹ thuật
250.	Nguyễn Ngọc Tân	Khoa Sư phạm Kỹ thuật
251.	Trịnh Xuân Long	Khoa Sư phạm Kỹ thuật
252.	Thái Bá Chiến	Khoa Sư phạm Kỹ thuật
253.	Nguyễn Công Hành	Khoa Sư phạm Kỹ thuật
254.	Phạm Ngọc Quang	Khoa Sư phạm Kỹ thuật

255.	Nguyễn Thị Tuyết An	Khoa Xây dựng Cầu đường
256.	Trần Thị Phương Anh	Khoa Xây dựng Cầu đường
257.	Lê Đức Châu	Khoa Xây dựng Cầu đường
258.	Nguyễn Biên Cương	Khoa Xây dựng Cầu đường
259.	Nguyễn Thanh Cường	Khoa Xây dựng Cầu đường
260.	Đỗ Hữu Đạo	Khoa Xây dựng Cầu đường
261.	Lê Văn Định	Khoa Xây dựng Cầu đường
262.	Nguyễn Thu Hà	Khoa Xây dựng Cầu đường
263.	Nguyễn Hồng Hải	Khoa Xây dựng Cầu đường
264.	Hoàng Phương Hoa	Khoa Xây dựng Cầu đường
265.	Võ Đức Hoàng	Khoa Xây dựng Cầu đường
266.	Võ Duy Hùng	Khoa Xây dựng Cầu đường
267.	Nguyễn Thị Phương Khuê	Khoa Xây dựng Cầu đường
268.	Hoàng Trọng Lâm	Khoa Xây dựng Cầu đường
269.	Cao Văn Lâm	Khoa Xây dựng Cầu đường
270.	Đoàn Thái Lan	Khoa Xây dựng Cầu đường
271.	Nguyễn Lan	Khoa Xây dựng Cầu đường
272.	Võ Hải Lãng	Khoa Xây dựng Cầu đường
273.	Châu Trường Linh	Khoa Xây dựng Cầu đường
274.	Nguyễn Văn Mỹ	Khoa Xây dựng Cầu đường
275.	Huỳnh Phương Nam	Khoa Xây dựng Cầu đường
276.	Phạm Văn Ngọc	Khoa Xây dựng Cầu đường
277.	Đỗ Thị Phụng	Khoa Xây dựng Cầu đường
278.	Nguyễn Duy Thảo	Khoa Xây dựng Cầu đường
279.	Trần Thị Thu Thảo	Khoa Xây dựng Cầu đường
280.	Bạch Quốc Tiến	Khoa Xây dựng Cầu đường
281.	Nguyễn Xuân Toàn	Khoa Xây dựng Cầu đường
282.	Vũ Hoàng Trí	Khoa Xây dựng Cầu đường
283.	Trần Trung Việt	Khoa Xây dựng Cầu đường
284.	Trần Khắc Vĩ	Khoa Xây dựng Cầu đường
285.	Nguyễn Hoàng Vĩnh	Khoa Xây dựng Cầu đường
286.	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Khoa Xây dựng Cầu đường
287.	Đỗ Việt Hải	Khoa Xây dựng Cầu đường
288.	Nguyễn Tiến Dũng	Khoa Xây dựng Cầu đường
289.	Hồ Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng Cầu đường
290.	Phan Hoàng Nam	Khoa Xây dựng Cầu đường
291.	Phạm Ngọc Phương	Khoa Xây dựng Cầu đường
292.	Nguyễn Văn Quang	Khoa Xây dựng Cầu đường
293.	Phan Đức Tâm	Khoa Xây dựng Cầu đường
294.	Hoàng Phương Tùng	Khoa Xây dựng Cầu đường
295.	Đỗ Quang Trung	Khoa Xây dựng Cầu đường
296.	Bùi Thiên Lam	Khoa XD Dân dụng & CN
297.	Bùi Quang Hiếu	Khoa XD Dân dụng & CN
298.	Đinh Thị Như Thảo	Khoa XD Dân dụng & CN
299.	Đỗ Minh Đức	Khoa XD Dân dụng & CN
300.	Lê Bá Định	Khoa XD Dân dụng & CN
301.	Lê Cao Tuấn	Khoa XD Dân dụng & CN
302.	Lê Vũ An	Khoa XD Dân dụng & CN

303.	Lê Xuân Dũng	Khoa XD Dân dụng & CN
304.	Lê Xuân Quang	Khoa XD Dân dụng & CN
305.	Nguyễn Quang Tùng	Khoa XD Dân dụng & CN
306.	Phạm Ngọc Vinh	Khoa XD Dân dụng & CN
307.	Phan Đình Hào	Khoa XD Dân dụng & CN
308.	Trần Anh Thiện	Khoa XD Dân dụng & CN
309.	Trần Quang Hưng	Khoa XD Dân dụng & CN
310.	Vương Lê Thắng	Khoa XD Dân dụng & CN
311.	Đặng Công Thuật	Khoa XD Dân dụng & CN
312.	Đinh Ngọc Hiếu	Khoa XD Dân dụng & CN
313.	Lê Khánh Toàn	Khoa XD Dân dụng & CN
314.	Nguyễn Khánh Linh	Khoa XD Dân dụng & CN
315.	Lê Ngọc Quyết	Khoa XD Dân dụng & CN
316.	Mai Chánh Trung	Khoa XD Dân dụng & CN
317.	Phạm Mỹ	Khoa XD Dân dụng & CN
318.	Trần Thị Xuân Thanh	Khoa XD Dân dụng & CN
319.	Phan Quang Vinh	Khoa XD Dân dụng & CN
320.	Nguyễn Chí Công	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
321.	Võ Ngọc Dương	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
322.	Nguyễn Thế Hùng	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
323.	Nguyễn Văn Hường	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
324.	Tô Thúy Nga	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
325.	Nguyễn Thanh Hải	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
326.	Lê Hùng	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
327.	Nguyễn Quang Bình	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
328.	Phạm Lý Triều	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
329.	Lê Văn Thảo	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
330.	Ngô Văn Dũng	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
331.	Nguyễn Ngọc Hậu	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
332.	Vũ Huy Công	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
333.	Hồ Anh Dung	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
334.	Phạm Thành Hưng	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
335.	Nguyễn Hoàng Lâm	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
336.	Nguyễn Trường Huy	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
337.	Nguyễn Công Luyện	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
338.	Vũ Thị Tính	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
339.	Đỗ Thị Kim Anh	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
340.	Nguyễn Thanh Hào	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
341.	Võ Nguyễn Đức Phước	Khoa XD Thủy lợi - TĐ
342.	Lê Thị Kim Oanh	Phòng Công tác Sinh viên
343.	Nguyễn Văn Đông	Phòng Công tác Sinh viên
344.	Đặng Hoài Phương	Phòng Công tác Sinh viên
345.	Nguyễn Văn Cả	Phòng Công tác Sinh viên
346.	Phan Minh Thắng	Phòng Công tác Sinh viên
347.	Nguyễn Trung Tiến	Phòng Công tác Sinh viên
348.	Phùng Huyền Nhung	Phòng Công tác Sinh viên
349.	Đào Thị Hương Duyên	Phòng Công tác Sinh viên
350.	Lê Hồng Phúc	TT Hỗ trợ Sinh viên & QHDN

351.	Đinh Thị Thanh	Văn phòng Đoàn TN
352.	Nguyễn Thị Xuân Thu	Văn phòng Đoàn TN
353.	Trần Nải	Phòng Công tác Sinh viên
354.	Phạm Việt Thương	Phòng Công tác Sinh viên
355.	Lê Thị Minh Hiền	Phòng Công tác Sinh viên
356.	Nguyễn Vinh	Phòng Công tác Sinh viên
357.	Nguyễn Anh Sơn	Phòng Công tác Sinh viên
358.	Nguyễn Văn Chính	Phòng Công tác Sinh viên
359.	Hoàng Thu	Phòng Công tác Sinh viên
360.	Trần Ngọc Ba	Phòng Công tác Sinh viên
361.	Nguyễn Việt Hùng	Phòng Công tác Sinh viên
362.	Phùng Đình Khai	Phòng Công tác Sinh viên
363.	Lê Thị Hoa	Phòng Công tác Sinh viên
364.	Vũ Thị Quyên	Phòng Công tác Sinh viên
365.	Hoàng Thị Duyên	Phòng Công tác Sinh viên
366.	Nguyễn Minh Đạt	Phòng Công tác Sinh viên
367.	Nguyễn Thị Thanh Hồng	Phòng Công tác Sinh viên
368.	Đoàn Anh Tuấn	Phòng Cơ sở Vật chất
369.	Đào Sanh	Phòng Cơ sở Vật chất
370.	Phan Thị Như Trang	Phòng Cơ sở Vật chất
371.	Huỳnh Dộng	Phòng Cơ sở Vật chất
372.	Lê Mai Thanh Hoàng	Phòng Cơ sở Vật chất
373.	Võ Ngọc Hải	Phòng Cơ sở Vật chất
374.	Nguyễn Ngọc Thanh	Phòng Cơ sở Vật chất
375.	Phan Hữu Phát	Phòng Cơ sở Vật chất
376.	Nguyễn Văn Tuấn	Phòng Cơ sở Vật chất
377.	Nguyễn Ngà	Phòng Cơ sở Vật chất
378.	Lương Sơn Tùng	Phòng Cơ sở Vật chất
379.	Hồ Quảng Việt	Phòng Cơ sở Vật chất
380.	Trương Văn Thu	Phòng Cơ sở Vật chất
381.	Hồ Văn Ly	Phòng Cơ sở Vật chất
382.	Nguyễn Văn Hoàng	Phòng Cơ sở Vật chất
383.	Nguyễn Văn Bảy	Phòng Cơ sở Vật chất
384.	Ngô Thị Thanh Phượng	Phòng Cơ sở Vật chất
385.	Trần Thị Ngọc Ánh	Phòng Cơ sở Vật chất
386.	Nguyễn Thị Lệ	Phòng Cơ sở Vật chất
387.	Nguyễn Văn Hưng	Phòng Cơ sở Vật chất
388.	Trương Thị Nga	Phòng Cơ sở Vật chất
389.	Trần Hữu Dũng	Phòng Cơ sở Vật chất
390.	Nguyễn Thị Khương Ánh	Phòng Cơ sở Vật chất
391.	Huỳnh Tấn Tiến	Phòng Cơ sở Vật chất
392.	Phạm Lợi	Phòng Cơ sở Vật chất
393.	Lê Cung	Phòng Đào tạo
394.	Phan Minh Đức	Phòng Đào tạo
395.	Nguyễn Văn Phòng	Phòng Đào tạo
396.	Nguyễn Thị Diệu Hằng	Phòng Đào tạo
397.	Nguyễn Anh Tuấn	Phòng Đào tạo
398.	Nguyễn Công Kha	Phòng Đào tạo

399.	Nguyễn Thị Hải Hà	Phòng Đào tạo
400.	Lê Thị Ngọc Hà	Phòng Đào tạo
401.	Trần Thanh Huyền	Phòng Đào tạo
402.	Nguyễn Thị Hoài Nhi	Phòng Đào tạo
403.	Phạm Thị Hoàng Lý	Phòng Đào tạo
404.	Nguyễn Thị Khánh Vân	Phòng Đào tạo
405.	Trương Thị Kim Chi	Phòng Đào tạo
406.	Huỳnh Thị Doan Phượng	Phòng Đào tạo
407.	Lê Hoài Nam	Phòng Đào tạo
408.	Phạm Văn Phi	Phòng Đào tạo
409.	Phạm Anh Tuấn	Phòng Đào tạo
410.	Lâm Hồng Thị Tâm	Phòng Kế hoạch – Tài chính
411.	Dương Thị Nga	Phòng Kế hoạch – Tài chính
412.	Trần Thị Như Linh	Phòng Kế hoạch – Tài chính
413.	Nguyễn Thị Thảo Sương	Phòng Kế hoạch – Tài chính
414.	Nguyễn Thị Hạnh	Phòng Kế hoạch – Tài chính
415.	Phạm Thị Thu Hiền	Phòng Kế hoạch – Tài chính
416.	Nguyễn Anh Huân	Phòng Kế hoạch – Tài chính
417.	Phạm Văn Tuấn	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD
418.	Nguyễn Chánh Tú	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD
419.	Nguyễn Thanh Nam	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD
420.	Nguyễn Văn Khai	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD
421.	Võ Thị Châu	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD
422.	Võ Lê Hoàng Quyên	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD
423.	Vũ Ngọc Hà	Trung tâm Xuất sắc
424.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Trung tâm Xuất sắc
425.	Thái Vũ Hiền	Trung tâm Xuất sắc
426.	Nguyễn Trí Bằng	Trung tâm Xuất sắc
427.	Trương Hoài Chính	Phòng Khoa học CN & HTQT
428.	Nguyễn Đình Lâm	Phòng Khoa học CN & HTQT
429.	Võ Chí Chính	Phòng Khoa học CN & HTQT
430.	Đào Ngọc Thế Lực	Phòng Khoa học CN & HTQT
431.	Nguyễn Thành Công	Phòng Khoa học CN & HTQT
432.	Hoàng Nguyễn Diệu Trang	Phòng Khoa học CN & HTQT
433.	Tạ Minh Bảo	Phòng Khoa học CN & HTQT
434.	Đinh Lan Anh	Văn phòng Đảng ủy
435.	Nguyễn Hồng Liên	Văn phòng Công đoàn
436.	Lê Kim Hùng	Phòng Tổ chức – Hành chính
437.	Lê Minh Đức	Phòng Tổ chức – Hành chính
438.	Hoàng Minh Công	Phòng Tổ chức – Hành chính
439.	Nguyễn Thị Hoa	Phòng Tổ chức – Hành chính
440.	Trần Diễm Thi	Phòng Tổ chức – Hành chính
441.	Nguyễn Thanh Hà	Phòng Tổ chức – Hành chính
442.	Trần Thị Thủy	Phòng Tổ chức – Hành chính
443.	Trần Thị Dung	Phòng Tổ chức – Hành chính
444.	Trần Thị Nam	Phòng Tổ chức – Hành chính
445.	Nguyễn Văn Tuấn	Phòng Tổ chức – Hành chính
446.	Nguyễn Thiện Phúc	Phòng Tổ chức – Hành chính

447.	Trương Thị Mỹ Hiền	Phòng Tổ chức – Hành chính
448.	Nguyễn Năng Hùng Vân	Phòng Tổ chức – Hành chính
449.	Dương Hoài Thọ	Phòng Tổ chức – Hành chính
450.	Dương Thị Hường	Phòng Tổ chức – Hành chính
451.	Dương Thị Hồng	Phòng Tổ chức – Hành chính
452.	Nguyễn Thị Diễm Hằng	Phòng Tổ chức – Hành chính
453.	Trần Thị Nhâm	Phòng Tổ chức – Hành chính
454.	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phòng Tổ chức – Hành chính
455.	Đào Thị Sinh	Phòng Tổ chức – Hành chính
456.	Nguyễn Thị Kim Quy	Phòng Tổ chức – Hành chính
457.	Vũ Thị Thêm	Phòng Tổ chức – Hành chính
458.	Ngô Thị Xuân	Phòng Tổ chức – Hành chính
459.	Nguyễn Thị Yến	Phòng Tổ chức – Hành chính
460.	Nguyễn Thị Việt	Phòng Tổ chức – Hành chính
461.	Nguyễn Thị Xuân Hải	Phòng Tổ chức – Hành chính
462.	Nguyễn Thị Thảo	Phòng Tổ chức – Hành chính
463.	Huỳnh Thị Liên	Phòng Tổ chức – Hành chính
464.	Bùi Thị Thái	Phòng Tổ chức – Hành chính
465.	Đoàn Thị Tố Nga	Phòng Tổ chức – Hành chính
466.	Võ Thị Xuyên	Phòng Tổ chức – Hành chính
467.	Nguyễn Thị Tân	Phòng Tổ chức – Hành chính
468.	Trần Thị Hoa	Phòng Tổ chức – Hành chính
469.	Cầm Thị Thu Hương	Phòng Tổ chức – Hành chính
470.	Phan Quang Đáng	Phòng Tổ chức – Hành chính
471.	Nguyễn Kính	Phòng Tổ chức – Hành chính
472.	Phan Thị Xê	Phòng Tổ chức – Hành chính
473.	Hoàng Văn Bôn	Phòng Tổ chức – Hành chính
474.	Hồ Anh Tài	Phòng Tổ chức – Hành chính
475.	Nguyễn Văn Thêm	Phòng Tổ chức – Hành chính
476.	Hoàng Vũ Khánh	Phòng Tổ chức – Hành chính
477.	Lê Văn Hiệp	Phòng Tổ chức – Hành chính
478.	Võ Thanh Chương	Phòng Tổ chức – Hành chính
479.	Bùi Nữ Thanh Hà	Phòng Thanh tra – Pháp chế
480.	Phan Thanh Long	Phòng Thanh tra – Pháp chế
481.	Lê Phước Cường	TT Học liệu & Truyền thông
482.	Nguyễn Thị Dung	TT Học liệu & Truyền thông
483.	Phan Thị Hà Thanh	TT Học liệu & Truyền thông
484.	Hoàng Thị Nhung	TT Học liệu & Truyền thông
485.	Nguyễn Thị Lệ Quyên	TT Học liệu & Truyền thông
486.	Trần Thị Quý Dung	TT Học liệu & Truyền thông
487.	Hoàng Thị Thu Sương	TT Học liệu & Truyền thông
488.	Võ Thị Thu Hương	TT Học liệu & Truyền thông
489.	Đặng Ngọc Tuấn	TT Học liệu & Truyền thông
490.	Nguyễn Thị Mai Hà	TT Học liệu & Truyền thông
491.	Tôn Thất Minh Mẫn	TT Học liệu & Truyền thông
492.	Nguyễn Thị Phụng	TT Học liệu & Truyền thông
493.	Nguyễn Quang Trung	TT Học liệu & Truyền thông
494.	Mai Thanh Bình	TT Học liệu & Truyền thông

495.	Trần Thanh Sơn	TT Học liệu & Truyền thông
496.	Lê Thị Kim Oanh	TT Học liệu & Truyền thông

**Tổng cộng: 22 đơn vị đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến
496 cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến**